

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHỬ TRÙNG
VIỆT NAM VÀ CÔNG TY CON**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016



CÔNG TY CỔ PHẦN KHỬ TRÙNG VIỆT NAM VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 29, Đường Tôn Đức Thắng, Phường
Bến Nghé, Quận 01, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 06 năm 2016	5 – 6
Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu hợp nhất	7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016	9 – 10
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	11 – 47

236
CÔNG
TY
TOÁN
KIỂM
SỐ 17
P.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHỬ TRÙNG VIỆT NAM VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 29, Đường Tôn Đức Thắng, Phường
Bến Nghé, Quận 01, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Khử Trùng Việt Nam (dưới đây gọi tắt là "Công ty") hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã được soát xét của Công ty và công ty con (dưới đây cùng với Công ty gọi chung là "Tập đoàn") cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016.

CÁC THÔNG TIN CHUNG

Công ty Cổ phần Khử Trùng Việt Nam được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước là Công ty Khử Trùng Việt Nam trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn theo Quyết định số 70/QĐ-TTg ngày 03 tháng 05 năm 2001 của Thủ tướng Chính phủ.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0302327629 ngày 31 tháng 12 năm 2001 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 11 tháng 09 năm 2015.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại số 29, Đường Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 01, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Nhà máy Công ty được đặt tại số B47-48, Đường 11, KCN Lê Minh Xuân, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 176.854.360.000 VND. Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 24 ngày 05 tháng 08 năm 2016, vốn điều lệ của Công ty là 182.854.360.000 VND.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Nguyễn Bạch Tuyết	Chủ tịch
Ông Trương Công Cứ	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Thanh Tùng	Thành viên
Ông Nguyễn Minh Dũng	Thành viên
Ông Nguyễn Bảo Sơn	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Võ Văn Quốc	Trưởng ban
Bà Thái Thị Hồng Châu	Thành viên
Ông Nguyễn Đức Minh	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Trương Công Cứ	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Bạch Tuyết	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Minh Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Bảo Sơn	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất hằng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;

9-C
TY
-1
TƯ V
NAM
IÒ CH

CÔNG TY CỔ PHẦN KHỬ TRÙNG VIỆT NAM VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 29, Đường Tôn Đức Thắng, Phường
Bến Nghé, Quận 01, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính hợp nhất được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Tập đoàn và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tập đoàn đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên của RSM Quốc tế.

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn công bố rằng, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 30 tháng 06 năm 2016, báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc



Trương Công Cứ
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 08 năm 2016

Số: 17.123/BCSXHN-RSM

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Các thành viên Hội đồng quản trị
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN KHỬ TRÙNG VIỆT NAM**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Khử Trùng Việt Nam (dưới đây gọi tắt là "Công ty") và công ty con (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là "Tập đoàn"), được lập ngày 10 tháng 08 năm 2016, từ trang 05 đến trang 47, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của Tập đoàn thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

(Xem tiếp trang sau)

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Khử Trùng Việt Nam và công ty con tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu hợp nhất và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Mặc dù không đưa ra kết luận ngoại trừ, chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh 6.18 trong Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, trong đó trình bày việc Tập đoàn đã khởi kiện về tỷ lệ góp vốn của Tập đoàn vào một công ty khác.



Đặng Thị Hồng Loan
Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
0425-2013-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 08 năm 2016

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 4.27 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.

317
NG
NH
AN &
IET
HO

CÔNG TY CỔ PHẦN KHỬ TRÙNG VIỆT NAM VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 29, Đường Tôn Đức Thắng, Phường
Bến Nghé, Quận 01, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016

Mẫu số B 01 - DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Tại ngày 30/06/2016	Tại ngày 01/01/2016
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		982.420.075.859	957.407.040.070
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	(5.1)	150.002.936.180	167.945.742.218
1. Tiền	111		110.002.936.180	87.945.742.218
2. Các khoản tương đương tiền	112		40.000.000.000	80.000.000.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		412.312.401.346	339.687.508.945
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	(5.3)	412.916.805.089	375.140.409.214
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		13.229.648.254	1.674.722.308
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	(5.4)	15.569.828.678	13.679.461.969
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	(5.5)	(29.403.880.675)	(50.819.734.404)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	12.649.858
III. Hàng tồn kho	140		417.005.868.308	445.778.967.307
1. Hàng tồn kho	141	(5.6)	417.005.868.308	445.778.967.307
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.098.870.025	3.994.821.600
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	(5.10)	2.436.040.792	2.444.621.826
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		114.760.540	134.401.602
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	(5.13)	548.068.693	1.415.798.172
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		344.115.959.123	338.227.372.188
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.263.009.568	1.215.326.278
1. Phải thu dài hạn khác	216	(5.4)	1.263.009.568	1.215.326.278
II. Tài sản cố định	220		91.320.905.576	95.878.257.950
1. Tài sản cố định hữu hình	221	(5.7)	29.686.618.144	33.787.581.827
Nguyên giá	222		114.919.515.834	116.551.016.716
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(85.232.897.690)	(82.763.434.889)
2. Tài sản cố định vô hình	227	(5.8)	61.634.287.432	62.090.676.123
Nguyên giá	228		67.607.362.216	67.607.362.216
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(5.973.074.784)	(5.516.686.093)
III. Bất động sản đầu tư	230	(5.9)	49.833.310.692	43.794.806.304
Nguyên giá	231		62.093.257.850	55.387.207.325
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(12.259.947.158)	(11.592.401.021)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		3.254.351.443	-
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		3.254.351.443	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	(5.2)	195.135.214.098	194.463.114.098
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		193.304.814.098	193.304.814.098
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		2.249.390.000	2.249.390.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(418.990.000)	(1.091.090.000)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		3.309.167.746	2.875.867.558
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	(5.10)	2.638.082.973	2.875.867.558
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		671.084.773	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.326.536.034.982	1.295.634.412.258

CÔNG TY CỔ PHẦN KHỦ TRÙNG VIỆT NAM VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 29, Đường Tôn Đức Thắng, Phường
Bến Nghé, Quận 01, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016

Mẫu số B 01 - DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Th. minh	Tại ngày 30/06/2016	Tại ngày 01/01/2016
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		599.756.043.261	586.414.765.099
I. Nợ ngắn hạn	310		562.773.675.461	549.547.961.407
1. Nợ phải trả người bán ngắn hạn	311	(5.12)	310.015.702.273	357.876.521.012
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.288.799.935	1.196.340.518
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	(5.13)	22.599.891.463	22.374.545.290
4. Phải trả người lao động	314	(5.14)	37.106.105.386	26.026.004.459
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	(5.15)	14.096.860.866	22.794.108.403
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	(5.16)	123.512.464.070	119.280.441.725
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	(5.11)	50.073.689.480	-
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		4.080.161.988	-
II. Nợ dài hạn	330		36.982.367.800	36.866.803.692
1. Phải trả dài hạn khác	337	(5.16)	36.982.367.800	36.866.803.692
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		726.779.991.721	709.219.647.159
I. Vốn chủ sở hữu	410	(5.17)	726.779.991.721	709.219.647.159
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		182.854.360.000	176.854.360.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		182.854.360.000	176.854.360.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		26.763.978.592	26.763.978.592
3. Cổ phiếu quỹ	415		(20.000.000)	(761.100.000)
4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		37.714.858	-
5. Quỹ đầu tư phát triển	418		231.545.895.350	231.545.895.350
6. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		27.169.465.911	25.818.269.911
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		258.428.577.010	248.998.243.306
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		190.593.438.308	127.432.633.830
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		67.835.138.702	121.565.609.476
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.326.536.034.982	1.295.634.412.258



Trương Công Cứ
Tổng Giám đốc
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 08 năm 2016

Nguyễn Ngọc Dung
Kế toán trưởng

Phạm Thị Ngọc Phương
Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN KHỦ TRÙNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 29 Đường Tôn Đức Thắng, Phường
Bến Nghé, Quận 01, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016

Mẫu số B 01 - DN/HN

BÁO CÁO THAY ĐỔI VỐN CHỦ SỞ HỮU HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Diễn giải	Thuyết minh	Số dư ngày 01/01/2016	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016		Số dư ngày 30/06/2016
			Tăng	Giảm	
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	(5.17.1)	176.854.360.000	6.000.000.000	-	182.854.360.000
Thặng dư vốn cổ phần	(5.17.1)	26.763.978.592	-	-	26.763.978.592
Tổng cộng		203.618.338.592	6.000.000.000	-	209.618.338.592



Nguyễn Ngọc Dung

Phạm Thị Ngọc Phương

Trương Công Cừ
Tổng Giám đốc

Nguyễn Ngọc Dung
Kế toán trưởng

Phạm Thị Ngọc Phương
Người lập

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 08 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN KHỬ TRÙNG VIỆT NAM VÀ CÔNG TY CONĐịa chỉ: Số 29, Đường Tôn Đức Thắng, Phường Bến
Nghé, Quận 01, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016

Mẫu số B 02 - DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	(6.1)	1.156.556.384.306	1.048.041.627.206
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	(6.2)	55.470.375.094	6.545.018.203
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.101.086.009.212	1.041.496.609.003
4. Giá vốn hàng bán	11	(6.3)	794.730.428.857	757.762.866.821
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		306.355.580.355	283.733.742.182
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	(6.4)	5.429.216.339	6.869.616.739
7. Chi phí tài chính	22	(6.5)	6.212.087.553	5.376.067.628
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		1.235.070.635	1.966.934.896
8. Chi phí bán hàng	25	(6.6)	180.981.233.062	172.419.468.253
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	(6.7)	27.239.095.742	23.159.732.403
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		97.352.380.337	89.648.090.637
11. Thu nhập khác	31		3.150.769.143	1.964.459.767
12. Chi phí khác	32		5.937.646.906	2.004.207.640
13. Lợi nhuận khác	40		(2.786.877.763)	(39.747.873)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		94.565.502.574	89.608.342.764
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	(6.9)	20.295.686.656	20.073.212.633
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(671.084.773)	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		74.940.900.691	69.535.130.131
18. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		74.940.900.691	69.535.130.131
19. Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu	70	(5.17.5)	3.836	3.764



Trương Công Cứ
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 08 năm 2016

Nguyễn Ngọc Dung
Kế toán trưởng

Phạm Thị Ngọc Phương
Người lập

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		94.565.502.574	89.608.342.764
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BDSĐT	02		6.985.052.155	8.472.340.732
Các khoản dự phòng	03		(22.087.953.729)	(137.881.681)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.779.148.965)	(5.755.153.352)
Chi phí lãi vay	06		1.235.070.635	1.966.934.896
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	08		78.918.522.670	94.154.583.359
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(50.369.351.421)	(100.711.517.724)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		33.758.112.744	(40.291.513.823)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(57.887.331.923)	9.227.749.829
Tăng giảm chi phí trả trước	12		246.365.619	855.084.996
Tiền lãi vay đã trả	14		(1.235.070.635)	(1.966.934.896)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(16.483.023.649)	(10.868.597.292)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(22.427.098.000)	(8.380.705.115)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(35.478.874.595)	(57.981.850.665)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(5.854.345.688)	(2.015.304.437)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		144.181.818	578.288.082
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		-	(170.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	80.000.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.634.967.147	5.176.865.270
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(4.075.196.723)	(86.260.151.085)

(Xem tiếp trang sau)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Kỳ này	Kỳ trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		6.741.100.000	-
2. Tiền thu từ đi vay	33	(6.10)	188.770.470.280	301.304.865.916
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(6.11)	(138.696.780.800)	(211.230.677.371)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(35.203.524.200)	(19.857.506.200)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		21.611.265.280	70.216.682.345
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(17.942.806.038)	(74.025.319.405)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		167.945.742.218	113.004.782.955
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		150.002.936.180	38.979.463.550



Trương Công Cứ
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 08 năm 2016

Nguyễn Ngọc Dung
Kế toán trưởng

Phạm Thị Ngọc Phương
Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN KHỬ TRÙNG VIỆT NAM VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 29, Đường Tôn Đức Thắng, Phường
Bến Nghé, Quận 01, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016

Mẫu số B 09 – DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài hợp nhất chính kèm theo

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Khử Trùng Việt Nam (dưới đây gọi tắt là "Công ty") được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước là Công ty Khử Trùng Việt Nam trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn theo Quyết định số 70/QĐ-TTg ngày 03 tháng 05 năm 2001 của Thủ tướng Chính phủ.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0302327629 ngày 31 tháng 12 năm 2001 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 11 tháng 09 năm 2015.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 176.854.360.000 VND. Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 24 ngày 05 tháng 08 năm 2016, vốn điều lệ của Công ty là 182.854.360.000 VND.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại số 29, Đường Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 01, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Nhà máy Công ty được đặt tại số B47-48, Đường 11, KCN Lê Minh Xuân, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Công ty có đầu tư vào 01 công ty con như được trình bày tại mục 1.5 dưới đây (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là "Tập đoàn").

Các đơn vị trực thuộc tính đến 30 tháng 06 năm 2016 gồm:

Tên	Địa chỉ
Chi nhánh phía Bắc	Số 147, Đường Hồ Đắc Di, Phường Quang Trung, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội
Chi nhánh Đà Nẵng	Số 292, Đường 2/9 Phường Hòa Cường Bắc, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng
Chi nhánh Quy Nhơn	Số 263, Đường Trần Hưng Đạo, Phường Trần Hưng Đạo, TP. Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định
Chi nhánh Nha Trang	Số 7, Đường Nguyễn Thiện Thuật, Phường Lộc Thọ, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa
Chi nhánh Đak Lak	Số 170, Đường Chu Văn An, Phường Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk
Chi nhánh Cần Thơ	Lô 30A3-3 KCN Trà Nóc I, Phường Trà Nóc, Quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ
Chi nhánh An Giang	Số 612, Quốc lộ 91, Ấp Bình Phú 2, Xã Bình Hòa, Huyện Châu Thành, Tỉnh An Giang
Chi nhánh Kiên Giang	Số 304A, Quốc lộ 61, Ấp Hòa Thuận, Xã Vĩnh Hòa Hiệp, Huyện Châu Thành, Tỉnh Kiên Giang
Chi nhánh Long An	Quốc lộ 62, Ấp 1, Xã Tân Lập, Huyện Mộc Hóa, Tỉnh Long An
Chi nhánh Nghệ An	Số 28, Đường Trần Phú, Phường Hồng sơn, TP. Vinh, Tỉnh Nghệ An
Chi nhánh Sóc Trăng	Ấp An Trạch, Xã An Hiệp, Huyện Châu Thành, Tỉnh Sóc Trăng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Chi nhánh Đồng Tháp	Số 154, Đường Lê Duẩn, Phường Mỹ Phú, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp
Chi nhánh Đồng Nai	Số 32 Quốc Lộ 1, Ấp Hưng Nghĩa, Xã Hưng Lộc, Huyện Thống Nhất, Tỉnh Đồng Nai
Chi nhánh Sơn La	Tiểu khu 3, Thị trấn Hát Lót, Huyện Mai Sơn, Tỉnh Sơn La
Chi Nhánh Hồ Chí Minh	Số 37, Đường Nguyễn Trung Ngạn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Văn Phòng Bình Dương	5/2 Ấp 1B Xã An Phú, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương
Kho Học Môn	Số 49, Nguyễn Ảnh Thủ, Phường Hiệp Thành, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh.
Chi nhánh Đức Hòa	Lô B107, KCN Thái Hòa, Ấp Tân Lập, Xã Đức Lập Hạ, Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An

Tổng số nhân viên của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 06 năm 2016 là 1.238 (31 tháng 12 năm 2015 là: 1.241).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Tổng hợp nhiều lĩnh vực kinh doanh bao gồm: sản xuất, thương mại và dịch vụ.

1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Tập đoàn là:

- Sản xuất, gia công, sang chai, đóng gói: thuốc bảo vệ thực vật, vật tư bảo vệ thực vật, vật tư khử trùng (không sản xuất, gia công, sang chai, đóng gói tại trụ sở).
- Cung cấp dịch vụ khử trùng, diệt sinh vật gây hại nông lâm sản và các vật thể khác.
- Mua bán: thuốc bảo vệ thực vật, vật tư bảo vệ thực vật, vật tư khử trùng. Mua bán vật tư, hóa chất phục vụ cho sản xuất nông nghiệp (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh). Buôn bán phân bón. Bán buôn hóa chất thuộc lĩnh vực công nghiệp, hóa chất thuộc lĩnh vực phụ gia thực phẩm. Bán buôn chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn.
- Dịch vụ xử lý, bảo dưỡng, vệ sinh môi trường trong nhà máy, kho tàng, văn phòng cơ quan, các công trình xây dựng. Dịch vụ chống mối mọt. Dịch vụ trừ mối cho các công trình xây dựng – đề đập – khách sạn – nhà hàng.
- Cho thuê văn phòng. Cho thuê kho bãi.
- Giám định hàng hóa: số lượng, chất lượng, quy cách, bao bì, giá trị hàng hóa, tổn thất, an toàn, vệ sinh và các yêu cầu giám định khác. Giám sát thi công và lắp đặt máy móc thiết bị. Tư vấn đầu tư.
- Nhân và chăm sóc giống cây nông nghiệp.
- Bán buôn bắp giống và các loại hạt ngũ cốc khác (trừ lúa, gạo) (thực hiện theo Thông tư 134/2013/TT-BTC).
- Đóng gói giống cây trồng.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn là 12 tháng.

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**1.5. Số lượng các công ty con trực tiếp được hợp nhất**

Tên công ty con	Địa chỉ	Quyền biểu quyết của công ty mẹ	Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ
Công ty TNHH Cambo V.F.C	Số 428, 26BT, Khom Thnot Chrom, Bang Tom Punh, Khan Mean Chey, Phnom Penh.	100%	100%

1.6. Công ty liên kết quan trọng được phản ánh trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Tên công ty liên kết	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ phần sở hữu
Công ty CP Thương mại Nông nghiệp Sông Mê Kông	Số 19, Đường Điện Biên Phủ, Xã Mỹ Trà, Tp. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp	40%	40%

1.7. Công ty liên doanh không áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu khi lập báo cáo tài chính hợp nhất

Tên công ty liên doanh	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ phần sở hữu
Công ty TNHH Hải Yến	Số 50, Đường Trần Phú, Phường Lộc Thọ, Tp. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	-	-

Nguyên nhân không hợp nhất quyền lợi là do Tập đoàn đã khởi kiện tranh chấp về tỷ lệ góp vốn vào Công ty TNHH Hải Yến, do đó, đã cản trở đáng kể vào chuyển giao vốn cho Tập đoàn. Theo hướng dẫn tại đoạn 28, Chuẩn mực 08 – Thông tin tài chính về những khoản góp vốn liên doanh, khoản đầu tư này được hạch toán theo phương pháp giá gốc trên báo cáo tài chính hợp nhất.

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**2.1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Tập đoàn từ 01/01 đến 31/12.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**3.1. Chế độ kế toán áp dụng**

Tập đoàn áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

3.2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam

Tập đoàn tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2016.

3.3. Hình thức kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG ÁP DỤNG

4.1 Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

- Tỷ giá áp dụng trong kế toán là tỷ giá của Ngân hàng Cổ phần Công Thương Việt Nam (Vietinbank);
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại tài sản là tỷ giá mua ngoại tệ;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ.

4.2 Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 30 tháng 06 năm 2016 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

4.4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi tiết kiệm, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao.

Các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro trong việc chuyển thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán "Báo cáo lưu chuyển tiền tệ".

4.5. Nợ phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản nợ phải thu được phân loại là phải thu khách hàng và phải thu khác theo nguyên tắc là: Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ các giao dịch mua bán; Các khoản phải thu còn lại được phân loại là phải thu khác.

Các khoản nợ phải thu được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Các khoản nợ phải thu thỏa mãn định nghĩa là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế cuối kỳ.

Nợ phải thu chỉ được ghi nhận tới mức có thể thu hồi.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

4.6. Hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho cuối kỳ

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

4.7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và chủ yếu là chi phí liên quan đến giá vốn công cụ, dụng cụ và chi phí bảo hiểm tài sản. Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoản thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

- Công cụ, dụng cụ được phân bổ dần từ 01 năm đến 03 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất;
- Chi phí mua bảo hiểm tài sản được phân bổ trong 12 tháng năm.

4.8. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và thuế trước bạ (nếu có).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25 năm
▪ Máy móc thiết bị	03 – 08 năm
▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn	05 – 10 năm
▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05 năm

4.9. Tài sản cố định vô hình

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế là giá trị quyền sử dụng diện tích đất. Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất từ 20 đến 50 năm.

Phần mềm kế toán

Phần mềm kế toán không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích.

4.10. Thuê tài sản

Thuê tài chính là thuê tài sản mà bên cho thuê có sự chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản cho bên thuê. Tất cả các khoản thuê khác được phân loại là thuê hoạt động.

Thuê hoạt động

Trong trường hợp Tập đoàn là bên cho thuê

Tài sản cho thuê hoạt động được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo cách phân loại tài sản của Tập đoàn.

Doanh thu cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn thuê, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán.

Khấu hao tài sản cho thuê hoạt động được thực hiện trên cơ sở nhất quán với chính sách khấu hao của bên cho thuê áp dụng đối với những tài sản tương tự.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Trong trường hợp Tập đoàn là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng phù hợp với thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản lợi ích đã thu hoặc phải thu liên quan tới hợp đồng thuê hoạt động cũng được phân bổ theo đường thẳng phù hợp với thời hạn của hợp đồng thuê.

4.11. Bất động sản đầu tư

Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá. Nguyên giá bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí bằng tiền hoặc tương đương tiền mà doanh nghiệp phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hình thành bất động sản đầu tư đó. Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trực tiếp ban đầu.

Phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá không trích khấu hao mà xác định tổn thất do giảm giá trị.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm bất động sản như sau:

- | | |
|---------------------------------------|----------------|
| ▪ Nhà cửa, vật kiến trúc | 17 – 30 năm |
| ▪ Quyền sử dụng đất | 48 – 50 năm |
| ▪ Quyền sử dụng đất không có thời hạn | Không khấu hao |

Khi thanh lý bất động sản đầu tư, chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

4.12. Chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

4.13. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư vào công ty liên kết khi Tập đoàn nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của bên nhận đầu tư mà không có thỏa thuận khác.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư vào công ty liên kết ban đầu được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh. Sau đó, giá trị của khoản đầu tư được điều chỉnh tăng giảm tương ứng với phần sở hữu của Tập đoàn trong lãi lỗ của công ty liên kết sau ngày mua.

Các khoản phân phối từ công ty liên kết sau ngày mua được ghi giảm giá trị của khoản đầu tư.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Đầu tư vào công ty liên doanh

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư vào công ty liên doanh khi Tập đoàn có quyền đồng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư vào công ty liên kết ban đầu được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh. Sau đó, giá trị của khoản đầu tư được điều chỉnh tăng giảm tương ứng với phần sở hữu của Tập đoàn trong lãi lỗ của công ty liên doanh sau ngày mua.

Các khoản phân phối từ công ty liên doanh sau ngày mua được ghi giảm giá trị của khoản đầu tư.

Đầu tư khác

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư khác là các khoản đầu tư ngoài các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên doanh, và đầu tư vào công ty liên kết.

Các khoản đầu tư khác được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua cộng (+) các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư khác

Đối với các khoản đầu tư chứng khoán

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 (Thông tư 228) và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228 của Bộ Tài chính. Theo đó, Tập đoàn được phép trích lập dự phòng cho các khoản chứng khoán đầu tư tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Đối với các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác

Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn khác được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 (Thông tư 228) và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228 của Bộ Tài chính. Theo đó, Tập đoàn phải trích lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn nếu tổ chức kinh tế mà Tập đoàn đang đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch theo phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích tối đa cho mỗi khoản đầu tư bằng số vốn đã đầu tư.

Đối với các khoản đầu tư khác

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư khác được lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của các khoản đầu tư này giảm xuống thấp hơn giá gốc, việc trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 (Thông tư 228) và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228 của Bộ Tài chính.

4.14. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các khoản nợ phải trả thỏa mãn định nghĩa là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá hối đoái cuối kỳ.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

4.15. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả là các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng thực tế chưa chi trả như chính sách bán hàng được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối kỳ và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.

4.16. Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009, Tập đoàn và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Tập đoàn không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 01 tháng 01 năm 2009. Tuy nhiên, trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện hiện có tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2016 sẽ được xác định dựa trên số năm làm việc của nhân viên được tính đến 31 tháng 12 năm 2008 và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước thời điểm thôi việc.

4.17. Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu, chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu ngân quỹ

Cổ phiếu ngân quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả trong năm vào ngày công bố cổ tức.

Quỹ dự trữ

Các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng và các quy định của pháp luật Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.18. Doanh thu và thu nhập khác

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó.

Lãi tiền gửi

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Thu nhập đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Kết quả kinh doanh của công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất tương ứng với tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn trong công ty liên doanh, liên kết.

Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định

Thu nhập từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư là phần chênh lệch giữa khoản thu từ việc thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư cao hơn giá trị còn lại của tài sản cố định, bất động sản đầu tư và chi phí thanh lý.

4.19. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm: Chiết khấu thương mại và hàng bán bị trả lại.

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính hợp nhất thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau và sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính hợp nhất thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh khoản giảm trừ.

4.20. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

4.21. Chi phí tài chính

Chi phí lãi vay kể cả số trích trước và lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái của kỳ báo cáo được ghi nhận đầy đủ trong báo cáo tài chính hợp nhất.

4.22. Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp ghi nhận đầy đủ các chi phí phát sinh trong kỳ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.23. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hợp nhất sau thuế của Tập đoàn sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Tập đoàn mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

4.24. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hợp nhất sau thuế của Tập đoàn sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Tập đoàn mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

4.25. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong kỳ hiện hành là 20%.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

- Giồng cây trồng: không chịu thuế
- Thuốc nông dược: 5%
- Các dịch vụ khác: 10%

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của các công ty trong Tập đoàn sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế đối với báo cáo thuế của các công ty trong Tập đoàn.

4.26. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Tập đoàn bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)*Công nợ tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Tập đoàn bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ, các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.27. Nguyên tắc và phương pháp lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất là báo cáo tài chính của Tập đoàn mà trong đó tài sản, nợ, nguồn vốn, doanh thu, chi phí và dòng tiền của công ty mẹ và các công ty con được trình bày như một doanh nghiệp độc lập không tính đến ranh giới pháp lý của các công ty riêng biệt. Các báo cáo tài chính của các công ty con đã được lập cho cùng giai đoạn tài chính với công ty mẹ theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của công ty mẹ. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các công ty con và công ty mẹ.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Phương pháp loại trừ giao dịch nội bộ

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ hoàn toàn khi hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện cũng được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp chi phí gây ra khoản lỗ đó không thể thu hồi.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tại ngày 30/06/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Tiền mặt	4.296.861.542	2.157.250.501
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	105.706.074.638	85.788.491.717
Các khoản tương đương tiền	40.000.000.000	80.000.000.000
Cộng	150.002.936.180	167.945.742.218

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN KHUỖ TRÙNG VIỆT NAM VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 29, Đường Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé
 Quận 01, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**5.2. Các khoản đầu tư tài chính**

Đầu tư góp vốn vào công ty liên doanh, liên kết được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2016		Tại ngày 01/01/2016	
	VND		VND	
	Giá gốc khoản đầu tư	Giá trị đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu	Giá gốc khoản đầu tư	Giá trị đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết:				
Công ty TNHH Hải Yến – Xem thêm mục 6.18	179.514.814.098		179.514.814.098	
Công ty Cổ phần Thương mại Nông Nghiệp Sông Mê Kông	13.790.000.000	13.790.000.000	13.790.000.000	13.790.000.000
Cộng	193.304.814.098		193.304.814.098	

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2016			Tại ngày 01/01/2016		
	VND			VND		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Công ty Cổ phần Bảo Vệ Thực Vật Sài Gòn	2.249.390.000	(418.990.000)	1.830.400.000	2.249.390.000	(1.091.090.000)	1.158.300.000

Tập đoàn đã xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn trên cơ sở giá niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán và số lượng cổ phiếu mà Tập đoàn đang nắm giữ.

Tại ngày báo cáo, Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào Công ty TNHH Hải Yến và Công ty Cổ phần Thương mại Nông nghiệp Sông Mê Kông để thuyết minh trong báo cáo tài chính giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.3. Phải thu của khách hàng

Phải thu ngắn hạn của khách hàng là các khoản phải thu thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Tập đoàn.

Toàn bộ phải thu ngắn hạn của các khách hàng có số dư phải thu mỗi khách hàng dưới 10% tổng số phải thu khách hàng vào ngày 30 tháng 06 năm 2016.

5.4. Phải thu khác

	Tại ngày 30/06/2016		Tại ngày 01/01/2016	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn:				
Phải thu khách hàng liên quan đến việc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất	-	-	768.309.000	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu tạm kê khai khấu trừ	4.161.082	-	334.011.595	-
Phải thu về chiết khấu mua hàng	5.400.707.800	-	-	-
Phải thu người lao động	2.888.650.433	-	5.840.107.190	-
Ký cược, ký quỹ	507.534.369	-	391.323.440	-
Tạm ứng cho người lao động	5.258.624.873	-	4.102.184.492	-
Phải thu khác	1.510.150.121	-	2.243.526.252	-
Cộng	15.569.828.678	-	13.679.461.969	-
Dài hạn:				
Ký cược, ký quỹ	1.263.009.568	-	1.215.326.278	-

5.5. Nợ xấu

	Tại ngày 30/06/2016		Tại ngày 01/01/2016	
	VND		VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán	16.556.738.129	9.780.568.362	22.494.076.238	12.195.004.716
Tổng giá trị các khoản phải thu khó có khả năng thu hồi	26.966.937.345	4.339.226.437	51.154.474.819	10.633.811.937

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, các khoản phải thu khó có khả năng thu hồi đã được trích lập dự phòng đầy đủ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Toàn bộ phải thu quá hạn thanh toán hoặc khó có khả năng thu hồi của các khách hàng có số dư phải thu mỗi khách hàng dưới 10% tổng số phải thu quá hạn thanh toán hoặc khó có khả năng thu hồi vào ngày 30 tháng 06 năm 2016.

5.6. Hàng tồn kho

	Tại ngày 30/06/2016		Tại ngày 01/01/2016	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng đang đi trên đường	16.174.393.294	-	20.557.291.440	-
Nguyên liệu, vật liệu	173.335.217.246	-	138.089.234.823	-
Công cụ, dụng cụ	1.426.163.506	-	1.265.619.618	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	4.731.768.499	-	4.100.078.588	-
Thành phẩm	60.489.324.288	-	48.867.945.573	-
Hàng hóa	160.849.001.475	-	232.898.797.265	-
Cộng	417.005.868.308	-	445.778.967.307	-

Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo cho các khoản nợ vay là 50.073.689.480 VND – Xem thêm mục 5.11.

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN KHỬ TRÙNG VIỆT NAM VÀ CÔNG TY CONĐịa chỉ: Số 29, Đường Tôn Đức Thắng, Phường
Bến Nghé, Quận 01, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**5.7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định hữu hình khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá:						
Tại ngày 01/01/2016	25.501.344.643	10.572.765.267	76.781.033.350	3.572.992.956	122.880.500	116.551.016.716
Mua trong kỳ	156.429.000	377.400.000	2.103.327.454	202.044.000	-	2.839.200.454
Thanh lý, nhượng bán	(3.325.489.694)	(207.142.858)	(831.070.284)	(106.998.500)	-	(4.470.701.336)
Tại ngày 30/06/2016	22.332.283.949	10.743.022.409	78.053.290.520	3.668.038.456	122.880.500	114.919.515.834
Giá trị hao mòn lũy kế:						
Tại ngày 01/01/2016	15.523.518.477	8.384.605.104	55.401.940.317	3.346.532.158	106.838.833	82.763.434.889
Khấu hao trong kỳ	562.609.686	398.009.132	4.760.276.735	133.805.107	6.416.667	5.861.117.327
Thanh lý, nhượng bán	(2.470.181.874)	(159.299.868)	(655.174.284)	(106.998.500)	-	(3.391.654.526)
Tại ngày 30/06/2016	13.615.946.289	8.623.314.368	59.507.042.768	3.373.338.765	113.255.500	85.232.897.690
Giá trị còn lại:						
Tại ngày 01/01/2016	9.977.826.166	2.188.160.163	21.379.093.033	226.460.798	16.041.667	33.787.581.827
Tại ngày 30/06/2016	8.716.337.660	2.119.708.041	18.546.247.752	294.699.691	9.625.000	29.686.618.144

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 42.886.193.012 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHỬ TRÙNG VIỆT NAM VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 29, Đường Tôn Đức Thắng, Phường

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Bến Nghé, Quận 01, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**5.8. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Quyền sử dụng đất VND	TSCĐ vô hình khác VND	Cộng VND
Nguyên giá:			
Tại ngày 01/01/2016	63.884.969.716	3.722.392.500	67.607.362.216
Tại ngày 30/06/2016	63.884.969.716	3.722.392.500	67.607.362.216
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Tại ngày 01/01/2016	3.215.158.448	2.301.527.645	5.516.686.093
Khấu hao trong kỳ	222.582.126	233.806.565	456.388.691
Tại ngày 30/06/2016	3.437.740.574	2.535.334.210	5.973.074.784
Giá trị còn lại:			
Tại ngày 01/01/2016	60.669.811.268	1.420.864.855	62.090.676.123
Tại ngày 30/06/2016	60.447.229.142	1.187.058.290	61.634.287.432

Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 2.286.049.344 VND.

5.9. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Khoản mục	Quyền sử dụng đất VND	Nhà VND	Cộng VND
Nguyên giá:			
Tại ngày 01/01/2016	19.407.860.064	35.979.347.261	55.387.207.325
Tăng trong kỳ	4.826.050.525	1.880.000.000	6.706.050.525
Tại ngày 30/06/2016	24.233.910.589	37.859.347.261	62.093.257.850
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Tại ngày 01/01/2016	-	11.592.401.021	11.592.401.021
Khấu hao trong kỳ	-	667.546.137	667.546.137
Tại ngày 30/06/2016	-	12.259.947.158	12.259.947.158
Giá trị còn lại:			
Tại ngày 01/01/2016	19.407.860.064	24.386.946.240	43.794.806.304
Tại ngày 30/06/2016	24.233.910.589	25.599.400.103	49.833.310.692

(Xem tiếp trang sau)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà cửa vật kiến trúc của tòa nhà tại Số 29, Đường Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh với giá trị là 30.767.877.740 VND đang cho thuê theo các hợp đồng thuê hoạt động.

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá không khấu hao bao gồm quyền sử dụng đất và nhà cửa vật kiến trúc với giá trị là 19.732.979.089 VND.

Tại ngày báo cáo, Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư nắm giữ để thuyết minh trong báo cáo tài chính giữa niên độ bởi vì Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư nắm giữ để cho thuê có thể khác với giá trị ghi sổ.

5.10. Chi phí trả trước

	Tại ngày 30/06/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Ngắn hạn:		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	1.341.486.360	1.055.469.317
Chi phí thuê văn phòng, kho bãi	501.133.539	981.676.004
Bảo hiểm tài sản	348.338.696	219.475.472
Các khoản khác	245.082.197	188.001.033
Cộng	2.436.040.792	2.444.621.826
	Tại ngày 30/06/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Dài hạn:		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	2.530.799.748	2.775.316.985
Chi phí thuê văn phòng, kho bãi	107.283.225	-
Các khoản khác	-	100.550.573
Cộng	2.638.082.973	2.875.867.558

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN KHỬ TRÙNG VIỆT NAM VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 29, Đường Tôn Đức Thắng, Phường
Bến Nghé, Quận 01, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**5.11. Vay và nợ thuê tài chính**

Các khoản vay và nợ thuê tài chính được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2016 VND		Trong kỳ VND		Tại ngày 01/01/2016 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn ngân hàng	50.073.689.480	50.073.689.480	188.770.470.280	138.696.780.800	-	-

Vay ngắn hạn là các khoản vay của ngân hàng nhằm mục đích mua nguyên vật liệu nhập khẩu và bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Các khoản vay chịu lãi suất từ 4,7% – 6,14%/năm, được đảm bảo bằng Hợp đồng Bảo hiểm rủi ro tài sản số DAN.D05.AD.15.HD107 và thế chấp bằng hàng tồn kho của Tập đoàn - Xem thêm mục 5.6.

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN KHỬ TRÙNG VIỆT NAM VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 29, Đường Tôn Đức Thắng, Phường

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Bến Nghé, Quận 01, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**5.12. Phải trả người bán**

	Tại ngày 30/06/2016 VND		Tại ngày 01/01/2016 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH Syngenta Việt Nam	191.266.196.038	191.266.196.038	224.926.619.375	224.926.619.375
Công ty Itochu Chemical Frontier Corporation	32.883.112.600	32.883.112.600	32.855.260.800	32.855.260.800
Công ty Summit Agro International Ltd.	31.322.268.060	31.322.268.060	41.990.995.400	41.990.995.400
Phải trả cho các đối tượng khác	54.544.125.575	54.544.125.575	58.103.645.437	58.103.645.437
Cộng	<u>310.015.702.273</u>	<u>310.015.702.273</u>	<u>357.876.521.012</u>	<u>357.876.521.012</u>

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Tại ngày 01/01/2016		Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Tại ngày 30/06/2016	
	VND				VND	
	Phải thu	Phải nộp			Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng		1.802.078.910	115.342.758.087	109.422.661.627	-	7.722.175.370
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	(1.349.598.648)	-	14.878.515.273	14.073.525.860	(544.609.235)	-
Thuế xuất, nhập khẩu	(27.059.944)	-	2.283.479.452	2.259.441.117	(3.021.609)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	8.788.339.640	20.295.686.656	16.483.023.649	-	12.601.002.647
Thuế thu nhập cá nhân	-	10.819.041.173	9.603.603.137	18.488.620.085	-	1.934.024.225
Thuế môi trường	(39.139.580)	-	268.265.860	229.126.280	-	-
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-	36.382.455	36.820.304	(437.849)	-
Các loại thuế khác	-	965.085.567	3.855.570.724	4.477.967.070	-	342.689.221
Cộng	(1.415.798.172)	22.374.545.290	166.564.261.644	165.471.185.992	(548.068.693)	22.599.891.463

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN KHU' TRÙNG VIỆT NAM VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 29, Đường Tôn Đức Thắng, Phường

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Bến Nghé, Quận 01, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**5.14. Phải trả người lao động**

Lương bổ sung còn phải trả cho người lao động.

5.15. Chi phí phải trả

	Tại ngày 30/06/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Chi phí trích trước theo chính sách bán hàng	14.096.860.866	22.794.108.403

5.16. Phải trả khác

	Tại ngày 30/06/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Ngắn hạn:		
Tài sản thừa chờ giải quyết	-	96.285.490
Kinh phí công đoàn	833.685.141	739.434.081
Bảo hiểm xã hội	1.775.095.443	168.137.666
Bảo hiểm y tế	324.009.044	67.057.926
Bảo hiểm thất nghiệp	139.828.070	25.261.802
Phải trả lại thuế TNCN thu thừa của CBCNV	336.346.361	192.106.622
Tiền mượn công ty TNHH Hải Yến – Xem thêm mục 6.13	116.500.000.000	116.500.000.000
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	73.209.275	58.081.475
Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.530.290.736	1.434.076.663
Cộng	123.512.464.070	119.280.441.725
Dài hạn:		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	2.197.467.800	2.081.903.692
Phải trả tiền nhận ủy thác góp vốn vào Cty TNHH Hải Yến – Xem thêm mục 6.18	34.784.900.000	34.784.900.000
Cộng	36.982.367.800	36.866.803.692

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.17. Vốn chủ sở hữu

5.17.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu							
	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỉ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và các quỹ	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 01/01/2016	176.854.360.000	26.763.978.592	(761.100.000)	-	231.545.895.350	25.818.269.911	248.998.243.306	709.219.647.159
Tăng vốn trong 6 tháng đầu năm nay	6.000.000.000	-	-	-	-	-	-	6.000.000.000
Tái phát hành cổ phiếu quỹ	-	-	741.100.000	-	-	-	-	741.100.000
Lãi trong 6 tháng đầu năm nay	-	-	-	-	-	-	74.940.900.691	74.940.900.691
Trích các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	-	-	3.000.000.000	(3.000.000.000)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi 2015	-	-	-	-	-	-	(17.752.694.000)	(17.752.694.000)
Tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi 2016	-	-	-	-	-	-	(7.105.761.989)	(7.105.761.989)
Chia cổ tức năm 2015	-	-	-	-	-	-	(35.218.652.000)	(35.218.652.000)
Tăng khác	-	-	-	37.714.858	-	-	-	37.714.858
Giảm khác	-	-	-	-	-	(1.648.804.000)	(2.433.458.998)	(4.082.262.998)
Số dư tại ngày 30/06/2016	182.854.360.000	26.763.978.592	(20.000.000)	37.714.858	231.545.895.350	27.169.465.911	258.428.577.010	726.779.991.721

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.17.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Tại ngày 30/06/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Vốn góp của các cổ đông	182.854.360.000	176.854.360.000

5.17.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01 năm 2016	176.854.360.000	176.854.360.000
Vốn góp tăng do phát hành cổ phiếu với giá ưu đãi cho người lao động	6.000.000.000	-
Vốn góp tại ngày 30 tháng 06	182.854.360.000	176.854.360.000

5.17.4. Cổ phiếu

	Tại ngày 30/06/2016	Tại ngày 01/01/2016
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành:	18.285.436	17.685.436
Bao gồm: Số lượng cổ phiếu phổ thông trước khi phát hành thêm ESOP	17.685.436	17.685.436
Số lượng cổ phiếu phổ thông phát hành thêm	600.000	-
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng:	18.285.436	17.685.436
Bao gồm: Số lượng cổ phiếu phổ thông trước khi phát hành thêm ESOP	17.685.436	17.685.436
Số lượng cổ phiếu phổ thông phát hành thêm	600.000	-
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại (cổ phiếu quỹ):	2.000	76.110
Bao gồm: Số lượng cổ phiếu quỹ trước khi phát hành thêm ESOP	76.110	76.110
Số lượng cổ phiếu quỹ được tái phát hành	(74.110)	-
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành:	18.283.436	17.609.326
Bao gồm: Số lượng cổ phiếu phổ thông trước khi phát hành thêm ESOP	17.609.326	17.609.326
Số lượng cổ phiếu phổ thông phát hành thêm	600.000	-
Số lượng cổ phiếu quỹ được tái phát hành	74.110	-

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.

5.17.5. Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi sau thuế của cổ đông của Tập đoàn	74.940.900.691	69.535.130.131
Trừ: tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(7.105.761.989)	(19.812.964.500)
Số cổ phần lưu hành bình quân trong kỳ	17.685.436	13.208.643
Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu	3.836	3.764

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.17.6. Cổ tức đã trả

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Cổ tức đã trả (tổng số hay trên mỗi cổ phần) của cổ phiếu phổ thông	35.203.524.200	19.857.506.200

5.17.7. Các quỹ của doanh nghiệp

	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ VND	Quỹ hoạt động xã hội, từ thiện VND
Tại ngày 01/01/2016	231.545.895.350	17.475.127.025	8.343.142.886
Trích trong kỳ	-	-	3.000.000.000
Chi trong kỳ	-	-	(1.648.804.000)
Tại ngày 30/06/2016	231.545.895.350	17.475.127.025	9.694.338.886

5.17.8. Chênh lệch tỷ giá

	Kỳ này VND
Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính công ty con lập bằng ngoài tệ sang VND	37.714.858

5.18. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất

	Tại ngày 30/06/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Vật tư hàng hoá nhận giữ hộ, gia công, nhận ủy thác:	6.182.455.676	54.121.503.598
	Tại ngày 30/06/2016	Tại ngày 01/01/2016
Ngoại tệ các loại: USD	122.200,65	170.517,33
	Tại ngày 30/06/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Nợ khó đòi đã xử lý	33.158.903.280	9.688.324.959

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢN KINH DOANH HỢP NHẤT

6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu bán hàng hóa	628.841.776.824	579.944.124.131
Doanh thu bán thành phẩm	382.666.616.237	314.183.046.410
Doanh thu cung cấp dịch vụ	145.047.991.245	153.914.456.665
Cộng	1.156.556.384.306	1.048.041.627.206

6.2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chiết khấu thương mại	55.470.375.094	4.568.698.203
Hàng bán bị trả lại	-	1.976.320.000
Cộng	55.470.375.094	6.545.018.203

6.3. Giá vốn hàng bán

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	503.188.313.050	480.989.239.765
Giá vốn của thành phẩm đã bán	227.080.884.882	209.888.092.053
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	85.902.036.373	90.116.755.440
Các khoản ghi giảm giá vốn	(21.440.805.448)	(23.231.220.437)
Cộng	794.730.428.857	757.762.866.821

6.4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền gửi	1.563.461.802	5.012.415.270
Cổ tức, lợi nhuận được chia	71.500.000	164.450.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	1.009.013.898	123.163.319
Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	2.785.240.639	1.569.588.150
Cộng	5.429.216.339	6.869.616.739

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

6.5. Chi phí tài chính

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền vay	1.235.070.635	1.966.934.896
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	5.283.856.195	2.001.579.850
Lỗ chênh lệch tỷ giá	365.260.723	1.464.752.882
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	(672.100.000)	(57.200.000)
Cộng	6.212.087.553	5.376.067.628

6.6. Chi phí bán hàng

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân viên bán hàng	93.676.828.429	78.718.668.399
Chi phí khấu hao	2.974.097.835	3.397.922.750
Chi phí dịch vụ mua ngoài	20.405.965.664	36.714.059.428
Chi phí chính sách bán hàng	52.455.677.439	48.030.324.270
Chi phí khác	11.468.663.695	5.558.493.406
Cộng	180.981.233.062	172.419.468.253

6.7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	13.629.273.492	13.099.154.821
Chi phí khấu hao	1.692.438.544	2.876.264.037
Trích lập / (Hoàn nhập) dự phòng nợ khó đòi	2.054.724.592	-
Chi phí khác	9.862.659.114	7.184.313.545
Cộng	27.239.095.742	23.159.732.403

6.8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	785.309.819.625	712.807.974.205
Chi phí nhân công	139.832.523.142	126.419.947.784
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.985.052.155	8.472.340.732
Chi phí dịch vụ mua ngoài	24.300.518.422	9.121.114.086
Chi phí khác bằng tiền	48.848.668.033	118.312.334.977
Cộng	1.005.276.581.377	975.133.711.784

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**6.9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên thu nhập chịu thuế với thuế suất thuế TNDN của từng công ty trong Tập đoàn như sau:

<u>Tên Công ty</u>	<u>Thuế suất thuế TNDN kỳ này</u>
Công ty Cổ phần Khử Trùng Việt Nam	20%
Công ty TNHH Cambo V.F.C	20%

6.10. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ

	<u>Kỳ này VND</u>
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	188.770.470.280

6.11. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ

	<u>Kỳ này VND</u>
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	138.696.780.800

6.12. Báo cáo bộ phận

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Tập đoàn có quy mô hoạt động trên toàn quốc phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính yếu theo khu vực địa lý như sau:

- Miền Bắc;
- Miền Trung;
- Tây Nguyên;
- Miền Nam.

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

	Miền Bắc		Miền Trung		Tây Nguyên		Miền Nam		Loại trừ		Tổng cộng	
	Kỳ này Triệu đồng	Kỳ trước Triệu đồng	Kỳ này Triệu đồng	Kỳ trước Triệu đồng	Kỳ này Triệu đồng	Kỳ trước Triệu đồng	Kỳ này Triệu đồng	Kỳ trước Triệu đồng	Kỳ này Triệu đồng	Kỳ trước Triệu đồng	Kỳ này Triệu đồng	Kỳ trước Triệu đồng
Doanh thu												
Từ khách hàng bên ngoài	118.135	146.147	99.689	87.384	50.727	59.719	832.535	748.246	-	-	1.101.086	1.041.496
Giữa các bộ phận	-	-	-	-	-	-	27.491	-	(27.491)	-	-	-
Cộng	118.135	146.147	99.689	87.384	50.727	59.719	860.026	748.246	(9.706)	-	1.101.086	1.041.496
Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất												
Kết quả của bộ phận											306.356	283.734
Chi phí không phân bổ											211.007	195.620
Lợi nhuận trước thuế, thu nhập tài chính và chi phí tài chính											95.349	88.114
Thu nhập tài chính											5.429	6.870
Chi phí tài chính											6.212	5.376
Lợi nhuận trước thuế											94.566	89.608
Thuế thu nhập doanh nghiệp											20.296	20.073
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại											(671)	-
Lợi nhuận sau thuế											74.941	69.535

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thông tin khác

	Miền Bắc		Miền Trung		Tây Nguyên		Miền Nam		Tổng cộng	
	Tại ngày 30/06/2016	Tại ngày 01/01/2016	Tại ngày 30/06/2016	Tại ngày 01/01/2016	Tại ngày 30/06/2016	Tại ngày 01/01/2016	Tại ngày 30/06/2016	Tại ngày 01/01/2016	Tại ngày 30/06/2016	Tại ngày 01/01/2016
	Triệu đồng		Triệu đồng		Triệu đồng		Triệu đồng		Triệu đồng	
Tài sản của bộ phận	307.615	154.148	220.660	102.108	171.819	103.711	626.442	935.668	1.326.536	1.295.635
Tài sản không phân bổ									-	-
Tổng tài sản									1.326.536	1.295.635
Nợ phải trả của bộ phận	3.230	64	2.366	600	1.874	181	592.286	585.570	599.756	586.415
Nợ phải trả không phân bổ									-	-
Tổng nợ phải trả									599.756	586.415

	Miền Bắc		Miền Trung		Tây Nguyên		Miền Nam		Tổng cộng	
	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước
	Triệu đồng		Triệu đồng		Triệu đồng		Triệu đồng		Triệu đồng	
Chi phí mua sắm tài sản trong kỳ	1.769	615	703	558	-	558	-	171	2.472	1.902
Chi phí khấu hao trong kỳ	703	720	874	799	213	262	5.195	6.691	6.985	8.472

Tập đoàn không có báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh vì lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn chủ yếu là hàng nông dược, nên báo cáo kết quả kinh doanh đã trình bày rõ doanh thu, chi phí và lợi nhuận, do đó, không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo lĩnh vực kinh doanh cần thiết phải thuyết minh.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHU' TRÙNG VIỆT NAM VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 29, Đường Tôn Đức Thắng, Phường

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Bến Nghé, Quận 01, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**6.13. Thông tin về các bên có liên quan**

Trong kỳ, Tập đoàn có các đơn vị và cá nhân dưới đây được xác định là các bên liên quan theo định nghĩa của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 26:

Danh sách các bên liên quan

1. Công ty CP Thương mại Nông nghiệp Sông Mê Kông
2. Công ty TNHH Hải Yến
3. Bà Nguyễn Bạch Tuyết
4. Ông Trương Công Cứ

Mối quan hệ

Công ty liên kết
 Công ty liên doanh
 Chủ tịch HĐQT và Phó
 Tổng Giám đốc
 Tổng Giám đốc Công ty và
 Phó Chủ tịch HĐQT

Giao dịch nội bộ giữa các công ty trong Tập đoàn đã được loại trừ toàn bộ trong quá trình hợp nhất.

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất, số dư phải trả với các bên liên quan như sau:

	Tại ngày 30/06/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Phải trả – Xem thêm mục 5.16:		
Công ty TNHH Hải Yến	116.500.000.000	116.500.000.000

Thù lao và thu nhập của Ban Tổng giám đốc Công ty và các nhân viên quản lý chủ chốt khác được chi tiết như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc Công ty	5.235.065.000	8.715.906.000
Thu nhập các nhân viên quản lý chủ chốt khác	1.385.499.000	1.215.610.900
Cộng	6.620.564.000	9.931.516.900

6.14. Cam kết góp vốn

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, tình hình cam kết góp vốn điều lệ vào công ty con như sau:

	Cam kết góp vốn trên giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh VND	Tỷ lệ góp vốn của Công ty %	Số vốn của Công ty đã góp đến ngày 30/06/2016 VND	Số vốn Công ty còn phải góp tại ngày 30/06/2016 VND
Công ty TNHH Cambo V.F.C	10.716.000.000	100%	9.126.591.264	1.589.408.736

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

6.15. Cam kết theo các hợp đồng thuê hợp đồng

Cho thuê

Tập đoàn cho thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Các hợp đồng cho thuê có kỳ hạn trung bình là 3 năm, với tiền cho thuê cố định mỗi kỳ.

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu cho thuê hoạt động ghi nhận trong kỳ	5.128.664.478	4.774.819.376

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, Tập đoàn có các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang theo các thời hạn:

	Tại ngày 30/06/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Từ 1 năm trở xuống	2.335.840.682	4.141.127.070
Trên 1 năm đến 5 năm	11.037.552.047	14.143.971.672
Cộng	13.373.392.729	18.285.098.742

Đi thuê

Tập đoàn thuê kho và thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Các hợp đồng thuê có kỳ hạn trung bình là 2 năm, với tiền thuê cố định mỗi kỳ.

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí thuê hoạt động ghi nhận trong kỳ	1.238.397.914	1.398.147.273

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, Tập đoàn có các khoản cam kết phải trả đến hạn theo các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Từ 1 năm trở xuống	1.426.565.152	2.104.298.636
Trên 1 năm đến 5 năm	1.474.331.818	3.207.832.727
Cộng	2.900.896.969	5.312.131.363

6.16. Công cụ tài chính

Trong quá trình hoạt động, Tập đoàn có thể có các rủi ro tài chính như sau:

- Rủi ro tín dụng: Là khả năng mà khách nợ sẽ không hoàn trả toàn bộ hoặc một phần các khoản vay, hoặc sẽ không hoàn trả đúng hạn và do đó sẽ đưa đến một khoản lỗ cho Tập đoàn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

- **Rủi ro thanh khoản:** Là rủi ro mà Tập đoàn có thể không có hoặc không có khả năng có tiền khi cần và do đó sẽ gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ có liên quan đến các khoản công nợ tài chính.
- **Rủi ro thị trường:** Là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính sẽ biến động về mặt giá trị hợp lý hoặc dòng tiền trong tương lai do những biến động về giá cả trên thị trường. Về cơ bản, Tập đoàn có thể có các rủi ro thị trường sau:
 - + Rủi ro lãi suất;
 - + Rủi ro tiền tệ;
 - + Rủi ro về giá các khoản đầu tư chứng khoán vốn.

Để quản lý một cách có hiệu quả các rủi ro trên, Hội đồng quản trị (HĐQT) của Tập đoàn đã phê duyệt những chiến lược cụ thể để quản lý những rủi ro này phù hợp với mục tiêu hoạt động của Tập đoàn. Những chiến lược này đưa ra những hướng dẫn đối với mục tiêu ngắn hạn và dài hạn và những hành động sẽ được thực hiện để quản lý những rủi ro tài chính của Tập đoàn. Những hướng dẫn chủ yếu bao gồm:

- Tối thiểu hóa các rủi ro về giá, rủi ro tiền tệ và rủi ro lãi suất đối với tất cả các giao dịch;
- Tất cả các hoạt động quản lý rủi ro tài chính được thực hiện và giám sát ở mức độ tập trung;
- Tất cả các hoạt động quản lý rủi ro tài chính được thực hiện trên cơ sở nhất quán, thận trọng và theo những thông lệ thị trường tốt nhất;
- Tập đoàn có thể đầu tư cổ phiếu và các công cụ tương tự chỉ trong trường hợp có tiền nhàn rỗi tạm thời và các giao dịch này phải được HĐQT phê duyệt.

Bảng dưới đây trình bày tóm tắt tài sản tài chính và công nợ tài chính theo từng loại:

	Giá trị ghi sổ	
	Tại ngày 30/06/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Tài sản tài chính:		
Tiền và các khoản tương đương tiền	150.002.936.180	167.945.742.218
Phải thu khách hàng và phải thu khác	414.687.349.026	376.747.058.932
Đầu tư ngắn hạn	1.830.400.000	1.158.300.000
Cộng	<u>566.520.685.206</u>	<u>545.851.101.150</u>
Công nợ tài chính:		
Các khoản vay	50.073.689.480	-
Phải trả người bán và phải trả khác	428.713.170.073	476.458.424.704
Chi phí phải trả	14.096.860.866	22.794.108.403
Cộng	<u>492.883.720.419</u>	<u>499.252.533.107</u>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Rủi ro tín dụng

Tập đoàn kiểm soát rủi ro tín dụng bằng cách xác định hạn mức rủi ro cho từng khách hàng. Tập đoàn đang áp dụng chính sách chỉ giao dịch với khách hàng đáng tin cậy về mặt tín dụng. Không có những tập trung quan trọng về rủi ro tín dụng. Rủi ro tín dụng tối đa mà Tập đoàn có thể gánh chịu được tóm tắt trong bảng dưới đây:

	Tại ngày 30/06/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	150.002.936.180	167.945.742.218
Phải thu khách hàng và phải thu khác	414.687.349.026	376.747.058.932
Cộng	564.690.285.206	544.692.801.150

Tất cả các khoản phải thu quá hạn đều được đánh giá tổn thất một cách phù hợp. Thuyết minh 5.5 cung cấp những phân tích về phòng phải thu khó đòi.

Các tài sản sẵn sàng để bán là các khoản đầu tư vào chứng khoán vốn và do đó không có những rủi ro về tín dụng.

Rủi ro thanh khoản

Tập đoàn quản lý rủi ro thanh khoản trên cơ sở ngày đến hạn được mong đợi.

Bảng dưới đây phân tích nợ tài chính theo ngày đến hạn còn lại theo hợp đồng.

	Vay và nợ VND	Nợ phải trả VND	Chi phí phải trả VND	Cộng VND
Dưới 01 năm	50.073.689.480	426.515.702.273	14.096.860.866	490.686.252.619
Từ 1 – 3 năm	-	2.197.467.800	-	2.197.467.800
Tại ngày 30/06/2016	50.073.689.480	428.713.170.073	14.096.860.866	492.883.720.419
	Vay và nợ VND	Nợ phải trả VND	Chi phí phải trả VND	Cộng VND
Dưới 01 năm	-	474.376.521.012	22.794.108.403	497.170.629.415
Từ 1 – 3 năm	-	2.081.903.692	-	2.081.903.692
Tại ngày 01/01/2016	-	476.458.424.704	22.794.108.403	499.252.533.107

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Tập đoàn dự kiến sẽ thanh toán tất cả các khoản nợ khi đến hạn. Để đáp ứng các cam kết thanh toán này, Tập đoàn dự kiến các hoạt động kinh doanh sẽ tạo ra đủ dòng tiền vào. Ngoài ra, Tập đoàn đang nắm giữ các tài sản tài chính có thị trường thanh khoản và sẵn sàng đáp ứng nhu cầu thanh khoản.

Rủi ro lãi suất

Tập đoàn chịu rủi ro lãi suất đối với các hợp đồng vay theo lãi suất thả nổi. Hiện tại Tập đoàn không nắm giữ các khoản vay và nợ phải thu dài hạn về mặt bản chất. Bảng dưới đây cung cấp chi tiết các khoản nợ theo từng loại lãi suất.

	Tại ngày 30/06/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Nợ tài chính:		
Theo lãi suất thả nổi	50.073.689.480	-

Phân tích độ nhạy cảm

Phân tích này được thực hiện đối với các khoản nợ tài chính theo lãi suất thả nổi. Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng một khoản thay đổi về lãi suất là 1% có thể xảy ra vào cuối kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30/06/2016. Ảnh hưởng về thay đổi lãi suất đối với các khoản nợ tài chính theo lãi suất thả nổi, nếu đã xảy ra vào cuối niên độ hiện hành, đã được đánh giá về mặt thay đổi dòng tiền và chi phí và đã được định lượng như sau:

Một khoản tăng hoặc giảm 1% lãi suất sẽ tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế là 500.736.895 VND.

Rủi ro ngoại tệ

Tập đoàn có các hoạt động quốc tế nên chịu rủi ro về ngoại tệ như là một phần trong hoạt động kinh doanh của Tập đoàn. Tập đoàn chịu rủi ro về USD do doanh thu bán hàng tại Cambodia.

Tài sản tài chính được phân tích theo từng loại tiền tệ như sau:

	Phải thu thương mại và phải thu khác	Tiền và tương đương tiền	Cộng
Tại ngày 30/06/2016			
Đô la Mỹ (USD)	541.360,20	122.200,65	663.560,67
Tại ngày 01/01/2016			
Yên Nhật (JPY)	-	361.000,00	361.000,00
Đô la Mỹ (USD)	984.751,72	170.517,33	1.155.269,05

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Nợ tài chính được phân tích theo từng loại tiền tệ như sau:

	Phải trả thương mại và khác VND
Đô la Mỹ	2.340.360,00
Tại ngày 30/06/2016	2.340.360,00
Đô la Mỹ	5.439.227,94
Tại ngày 01/01/2016	5.439.227,94

Phân tích độ nhạy cảm

Một khoản tăng/giảm 10% đối với tỷ giá hối đoái giữa VND và Đô la Mỹ sẽ giảm/ tăng lợi nhuận sau thuế là 11.768.856.535 VND (2015: 9.666.438.506 VND).

Các phân tích nêu trên được thực hiện trên cơ sở sau:

- Ước tính của Ban Tổng Giám đốc về thay đổi tỷ giá hối đoái (là 10%) cho năm kết thúc vào ngày 31/12/2016 là hợp lý;
- Không xem xét các giao dịch đã được phòng ngừa rủi ro. Tập đoàn dự kiến các biến động về giá trị của các khoản mục được phòng ngừa rủi ro được bù trừ gần như hoàn toàn với các khoản mục để phòng ngừa rủi ro;
- Rủi ro tiền tệ của các khoản đầu tư sẵn sàng để bán vào cổ phiếu của các công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh đã được xem xét.

Theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc, phân tích độ nhạy cảm như nêu trên không đại diện cho những rủi ro về tỷ giá hối đoái vốn có do những rủi ro vào cuối kỳ không phản ánh rủi ro trong suốt kỳ. Trên thực tế, doanh thu bán hàng bằng VND có tính thời vụ với một khối lượng bán thấp hơn vào quý sau cùng, đưa đến khoản phải thu bằng VND thấp hơn vào cuối kỳ.

6.17. Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

- Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất.

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

6.18. Các thông tin khác

Ngày 01 tháng 07 năm 2004, Công ty đã ký hợp đồng liên doanh với Công ty Xuất Nhập Khẩu Tổng Hợp III để thành lập Công ty TNHH Hải Yến có địa chỉ tại Số 50, Đường Trần Phú, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa nhằm thực hiện Dự án đầu tư xây dựng khai thác kinh doanh khách sạn, nhà hàng. Đến thời điểm 30 tháng 06 năm 2016, Công ty đã đầu tư vào Công ty TNHH Hải Yến với số tiền là 179.514.814.098 VND, trong đó có 34.784.900.000 VND là vốn góp của CBCNV và các đối tác ngoài Công ty ủy quyền cho Công ty đứng tên theo Quyết định số 100/VFC-HĐQT/QĐ ngày 22 tháng 12 năm 2008. Sau đó, Công ty Xuất Nhập Khẩu Tổng Hợp III đã được sáp nhập vào Công ty Thực Phẩm và Đầu Tư Công Nghệ có địa chỉ tại Số 64, Đường Trần Quốc Toàn, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng. Sau khi sáp nhập, Công ty Thực Phẩm và Đầu tư Công Nghệ đã không đồng ý với tỷ lệ vốn góp của Công ty vào Công ty TNHH Hải Yến. Do đó, Công ty đã khởi kiện Công ty Thực Phẩm và Đầu Tư Công Nghệ ra Tòa án Tỉnh Khánh Hòa để giải quyết tranh chấp này. Đến thời điểm phát hành báo cáo tài chính hợp nhất này, Tòa án Tỉnh Khánh Hòa vẫn đang thụ lý vụ kiện nên kết quả của vụ kiện là chưa thể xác định được. Do đó, báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016 chưa bao gồm bất kỳ khoản điều chỉnh nào có liên quan đến vụ kiện nêu trên – Xem thêm mục 5.2 và mục 5.16.

7. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016 được Tổng Giám đốc Tập đoàn phê duyệt và phát hành vào ngày 10 tháng 08 năm 2016.



Trương Công Cứ
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 08 năm 2016

Nguyễn Ngọc Dung
Kế toán trưởng

Phạm Thị Ngọc Phương
Người lập